

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU.

I. Tóm tắt về dự án.

a. Tên dự án: Hoàn thiện hệ thống tường lửa (firewall) để đảm bảo công tác an toàn thông tin tại Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung.

b. Quy mô và địa điểm hạng mục dự án: Trang bị 02 thiết bị tường lửa thế hệ mới tại phòng máy chủ Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung.

c. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025.

d. Địa điểm thực hiện: Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung.

II. Tên và nội dung chủ yếu của gói thầu.

1. Danh mục hàng hóa:

Nhà thầu chịu trách nhiệm cung ứng đầy đủ hàng hóa với số lượng như bảng dưới đây:

TT	Danh mục	Đvt	Số lượng
1	Thiết bị tường lửa	Bộ	02

Ghi chú: Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (nếu có).

2. Danh mục các dịch vụ liên quan:

TT	Hạng mục	Đvt	Khối lượng
1	Dịch vụ cài đặt cấu hình thiết bị theo mô hình	Bộ	02

III. Địa điểm giao hàng và thực hiện dịch vụ.

1. Địa điểm giao hàng: Toàn bộ hàng hóa của gói thầu phải được bàn giao và thực hiện dịch vụ tại Trụ sở Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung (*Địa chỉ: 81-89 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng*).

2. Địa điểm thực hiện dịch vụ: Trụ sở Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung (*Địa chỉ: 81-89 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng*).

3. Thời gian thực hiện: Toàn bộ hàng hóa của gói thầu phải được giao hàng và thực hiện dịch vụ trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nếu nhà thầu chào thời gian giao hàng dài hơn thời gian yêu cầu nêu trên thì E-HSMT sẽ bị loại.

Trong trường hợp được lựa chọn trúng thầu, nếu nhà thầu không hoàn thành việc giao hàng đúng quy định của hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ xem xét tính phạt chậm trễ tiến độ theo Mục 22 E-ĐKC.

B. CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT.

I. Yêu cầu chung.

Tất cả hàng hóa yêu cầu của E-HSMT phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật chung sau đây:

1. Điều kiện môi trường làm việc của hàng hóa:

Nhiệt độ môi trường lớn nhất	40 ⁰ C
Nhiệt độ môi trường nhỏ nhất	0 ⁰ C
Khí hậu	Nhiệt đới, nóng ẩm
Độ ẩm lớn nhất	90%
Độ cao so với mực nước biển	≤ 3048m
Độ ồn	40.4dBA

2. Đặc điểm lưới điện:

Điện áp danh định của hệ thống (V)	100-240 VAC
Sơ đồ nối	1 pha
Chế độ nối đất	Nối đất trực tiếp
Điện áp làm việc lớn nhất của thiết bị (V)	240 VAC
Tần số (Hz)	50

3. Yêu cầu về bảo hành: Đáp ứng các quy định tại E-ĐKC 23.3 Chương VII của E-HSMT.

4. Yêu cầu kỹ thuật chung.

4.1. Đối với vật tư, thiết bị:

- Phải được nhiệt đới hóa và phù hợp điều kiện môi trường làm việc tại Mục B.I.1 (Điều kiện môi trường làm việc của hàng hóa).

- Thiết kế, chế tạo và thí nghiệm phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam, IEC, IEEE, ANSI hoặc các tiêu chuẩn tương đương.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương đương là tiêu chuẩn quy định về thiết kế, chế tạo và thí nghiệm bằng hoặc tốt hơn tiêu chuẩn được trích dẫn áp dụng.

- Có đầy đủ biên bản thử nghiệm theo yêu cầu tại Mục B.I.4.3 (Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa).

- Tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho gói thầu phải mới, chưa qua sử dụng; áp dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

4.2. Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với hàng hóa:

- Hàng hóa được cung cấp phải có biên bản thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn IEC hoặc tiêu chuẩn tương đương.

- Tại thời điểm chào thầu: Nhà thầu phải đính kèm biên bản thử nghiệm xuất xưởng (Routine Test) hoặc biên bản thử nghiệm điển hình từ phòng thử nghiệm độc lập ở Việt Nam đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 phát hành của hàng hóa tương đương chủng loại hàng hóa chào thầu trong E-HSMT theo yêu cầu tại Mục B.I.4.3 để chứng minh sản phẩm chào thầu phù hợp với đặc tính kỹ thuật của hồ sơ mời thầu.

- Tại thời điểm giao hàng: Nhà thầu phải cung cấp biên bản thử nghiệm xuất xưởng (Routine Test) của các loại hàng hóa yêu cầu cụ thể trong bảng thông số kỹ thuật.

4.3. Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa (theo Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật):

TT	Danh mục	Biên bản thí nghiệm/Biên bản xuất xưởng	Tài liệu kỹ thuật (bản vẽ, Catalogue, ...)	Giấy phép bán hàng của nhà sản xuất
1	Thiết bị tường lửa	X	X	X

Ghi chú:

- Dấu "X" là các tài liệu bắt buộc hồ sơ dự thầu phải cung cấp;

- Biên bản thử nghiệm của VTTB phải đáp ứng yêu cầu tại mục B.II-Yêu cầu kỹ thuật Chương V của E-HSMT.

- Đối với các VTTB khác thuộc phạm vi gói thầu (không được liệt kê ở bảng trên): Để đánh giá đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa chào thầu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu bổ sung biên bản thử nghiệm và các tài liệu kỹ thuật liên quan trong trường hợp cần thiết.

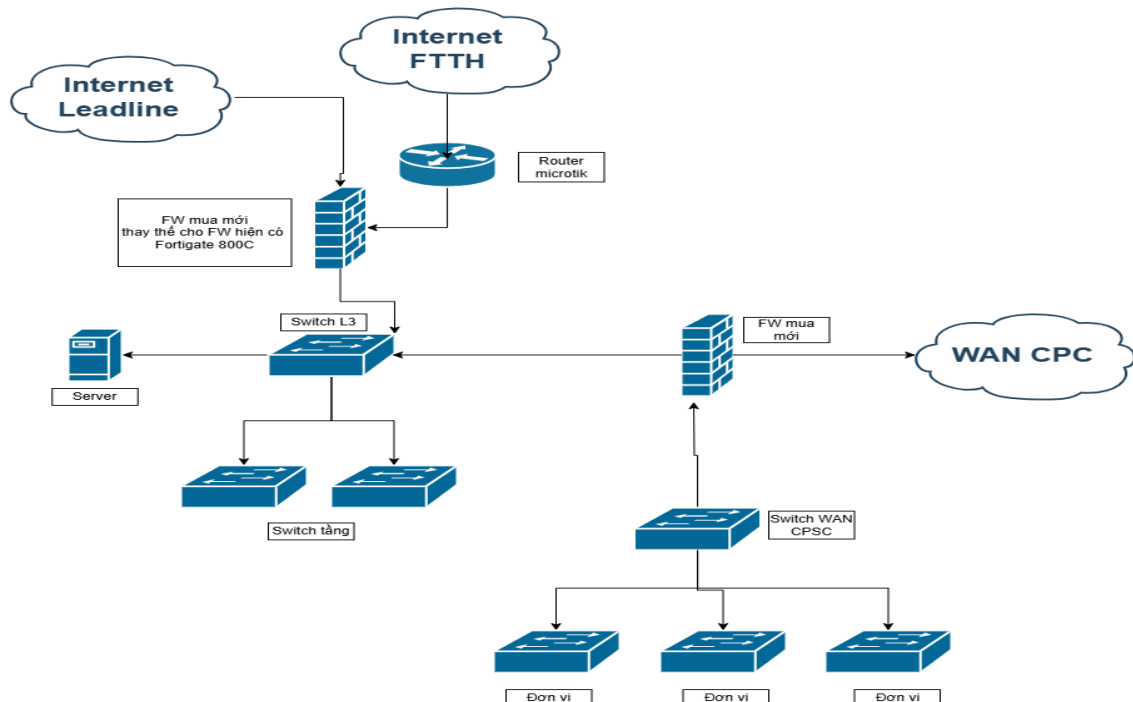
5. Các yêu cầu khác:

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và ngôn ngữ: Đơn vị đo lường hệ SI (hệ quốc tế) được sử dụng trong tất cả các tài liệu kỹ thuật liên quan, sơ đồ kỹ thuật.
- Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng:
 - + Khi giao hàng, Người bán phải bàn giao đầy đủ tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn lắp đặt vận hành và bảo dưỡng thiết bị bằng tiếng Anh hoặc bằng tiếng Việt.
 - + Các tài liệu hướng dẫn phải rõ ràng, gồm: Có minh họa đầy đủ bằng các hình vẽ; Các thông số hàng hóa như: kích thước, cấu tạo, vật liệu chế tạo,...
- Các thiết bị cung cấp phải có giấy chứng nhận chất lượng, chứng nhận bảo hành của nhà sản xuất. Nhà thầu phải cam kết trong hồ sơ dự thầu và bàn giao tại thời điểm giao hàng.

II. Yêu cầu kỹ thuật

II.1. Các yêu cầu chi tiết:

- Đầu tư trang bị mới 02 thiết bị tường lửa thế hệ mới, trong đó 01 thiết bị thay thế cho thiết bị hiện có bảo vệ hướng truy cập Internet, 01 thiết bị lắp đặt mới bảo vệ hướng kết nối mạng nội bộ đến các đơn vị khác trực thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Trung (CPC), bao gồm tính năng IPS, Antivirus, lọc file, web filter... lắp đặt tại phòng máy chủ có thời hạn bảo quyền và hỗ trợ kỹ thuật ≥ 3 năm.
- Sơ đồ kết nối tường lửa trang bị mới:



II.2. Yêu cầu thông số kỹ thuật:

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật
1	Nước sản xuất	Khẳng định rõ
2	Nhà sản xuất	Khẳng định rõ
3	Mã hiệu	Khẳng định rõ
4	Chủng loại	Khẳng định rõ
5	Yêu cầu chung	Đáp ứng quy định tại mục B.II.1
6	Phần cứng	Tương lửa thế hệ mới
6.1	Kiểu thiết kế (Form factor)	\geq Rack mount 1U
6.2	Nguồn có sẵn trên thiết bị	\geq 2 bộ nguồn hỗ trợ dự phòng. Nguồn đầu vào: 100-240VAC (hoặc phù hợp với vị trí lắp đặt).
7	Giao diện kết nối (trên cùng 01 thiết bị)	
7.1	Giao diện điện 1GE RJ45	\geq 12 cổng
7.2	Giao diện khác	Khẳng định rõ
8	Năng lực và tính năng thiết bị	
8.1	IPS Throughput	\geq 2.6 Gbps
8.2	NGFW Throughput	\geq 1.6 Gbps
8.3	Threat Protection Throughput	\geq 1 Gbps
8.4	IPv4 Firewall Throughput (1518 / 512 / 64 byte, UDP)	\geq 20 / 18 / 10 Gbps
8.5	Firewall Latency (64 byte, UDP)	\geq 4.97 μ s
8.6	Firewall Throughput (Packet per Second)	\geq 15 Mpps
8.7	Concurrent Sessions (TCP)	\geq 1.5 Million
8.8	New Sessions/Second (TCP)	\geq 56 000
8.9	Firewall Policies	\geq 10 000
8.10	IPsec VPN Throughput (512 byte)	\geq 1.5 Gbps
8.12	Gateway-to-Gateway IPsec VPN Tunnels	\geq 2,0

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật
8.13	Client-to-Gateway IPsec VPN Tunnels	≥ 16
8.14	SSL-VPN Throughput	≥ 750 Mbps
8.15	Concurrent SSL-VPN Users (Recommended Maximum, Tunnel Mode)	≥ 500
8.16	SSL Inspection Throughput (IPS, avg. HTTPS) 3	≥ 1 Gbps
8.17	SSL Inspection CPS (IPS, avg. HTTPS)3	$\geq 1,8$
8.18	SSL Inspection Concurrent Session (IPS, avg. HTTPS)3	≥ 135
8.19	Application Control Throughput (HTTP 64K) 2	≥ 2.2 Gbps
8.20	CAPWAP Throughput (1444 byte, UDP)	≥ 15 Gbps
8.21	Virtual Domains (Default / Maximum)	$\geq 10 / 10$
8.22	Maximum Number of FortiSwitches Supported	≥ 24
8.23	Maximum Number of FortiAPs (Total / Tunnel Mode)	$\geq 64 / 32$
8.24	Maximum Number of FortiTokens	≥ 5
8.25	Maximum Number of Registered FortiClients	≥ 600
8.26	High Availability Configurations	Active / Active, Active / Passive, Clustering
8.27	Hỗ trợ quản trị thông qua: CLI, Web Interface	Đáp ứng
9	Bản quyền Unified Threat Protection (UTP) (IPS, Advanced Malware Protection, Application control, URL, DNS&Video Filtering, Antispam service and Forticare Premium)	≥ 03 năm

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật
10	Phụ kiện kèm theo	Đầy đủ phụ kiện lắp đặt, phụ kiện theo gói sản phẩm của nhà sản xuất
11	Dịch vụ cài đặt cấu hình thiết bị theo mô hình	<ul style="list-style-type: none"> - Cài đặt cấu hình cơ bản thiết bị; - Cài đặt cấu hình networking thiết bị; - Cài đặt firewall policy cho thiết bị; - Cài đặt bảo vệ giao thức SCADA; - Hướng dẫn vận hành sử dụng.

Lưu ý: Đối với các yêu cầu bắt buộc phải nêu rõ thông số, giải pháp, ... trong bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa thì trong E-HSDT Nhà thầu phải nêu cụ thể, đầy đủ thông số, mô tả giải pháp, không được ghi “đáp ứng/đảm bảo/tuân thủ E-HSMT,...”

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO.

E-HSMT này gồm có các tài liệu trong danh mục sau đây:

Danh mục tài liệu		
STT	Tên tài liệu tham khảo	Mục đích sử dụng
\	\	\